Tạp chí Tâm lý học Việt Nam số 3 - Tháng 6 năm 2026

https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n3.10

FACTORS INFLUENCING POLITICAL OFFICERS' CAPACITY TO ORIENT COLLECTIVE OPINION AMONG MILITARY PERSONNEL AT GRASSROOTS UNITS

Nguyen Xuan Khai
Political Academy, Ministry of National Defence

Received: April 10, 2026
Accepted: May 20, 2026

Abstract: *This study surveyed 568 participants from six divisions and brigades to assess factors influencing political officers' capacity to orient collective opinion among military personnel. Results showed that both subjective and objective factors strongly affected this capacity. Multiple regression analysis identified the political officer's prestige (standardized β = .462) and experience (β = .334) as decisive predictors. Notably, media influence had a negative effect in the overall model (β = -.219), highlighting the pressure created by the rapid expansion of information on the effectiveness of opinion orientation. These findings provide an empirical basis for units to prioritize the enhancement of political officers' prestige and practical experience while managing media impacts, thereby improving the quality of ideological work at grassroots units.*

Keywords: *Influencing factors; Capacity to orient collective opinion; Political officers; Grassroots units.*

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG DƯ LUẬN TẬP THỂ QUÂN NHÂN CỦA CHÍNH TRỊ VIÊN Ở ĐƠN VỊ CƠ SỞ

Nguyễn Xuân Khải
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Ngày nhận bài: 10/4/2026
Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2026

Tóm tắt: *Nghiên cứu khảo sát 568 khách thể tại 6 Sư đoàn, Lữ đoàn nhằm đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên. Kết quả cho thấy nhóm yếu tố chủ quan và khách quan đều tác động mạnh mẽ đến năng lực này. Trong đó, mô hình hồi quy đa biến xác định "Uy tín của chính trị viên" (hệ số Beta đã chuẩn hóa β = 0,462) và "Kinh nghiệm, trải nghiệm" (β = 0,334) là những nhân tố chi phối mang tính quyết định. Đáng chú ý, yếu tố "Tác động của truyền thông" bộc lộ tác động nghịch biến trong mô hình tổng thể (hệ số β = -0,219), cảnh báo áp lực từ sự bùng nổ thông tin đối với hiệu quả định hướng dư luận. Đây là cơ sở thực chứng để các đơn vị ưu tiên bồi dưỡng, nâng cao uy tín, kinh nghiệm thực tiễn của chính trị viên gắn với việc kiểm soát các tác động truyền thông, nhằm nâng cao chất lượng công tác tư tưởng tại đơn vị cơ sở hiện nay.*

Từ khóa: *Yếu tố ảnh hưởng; Năng lực định hướng dư luận; Chính trị viên; Đơn vị cơ sở.*

1. Đặt vấn đề

Trong đời sống xã hội, dư luận xã hội là hiện tượng tâm lý xã hội phản ánh nhận thức, thái độ và tình cảm của các nhóm công chúng đối với những sự kiện, hiện tượng thời sự. Đối với công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, dư luận xã hội vừa là xuất phát điểm, vừa là mục tiêu quan trọng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XIV(2026, tập 2, tr. 153) nhấn mạnh yêu cầu: "Công tác dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội được thực hiện kịp thời, kiên trì, bền bỉ". Trong môi trường quân sự, Quyết định số 775/QĐ-CT ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam về "Ban hành Quy chế công tác quản lý tư tưởng quân nhân; nắm và định hướng dư luận trong Quân đội nhân dân Việt Nam" đã xác định rõ chính trị viên là một trong những chủ thể trọng yếu trực tiếp tiến hành hoạt động này ở đơn vị cơ sở.

Chính trị viên là hạt nhân đoàn kết, người chủ trì về chính trị, có ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng và ý chí của cán bộ, chiến sĩ. Trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu "phi chính trị hóa quân đội", việc định hướng dư luận tập thể quân nhân trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên ở đơn vị cơ sở là tổ hợp các thành tố kiến thức, thái độ và kỹ năng được huy động phù hợp với yêu cầu của hoạt động định hướng dư luận nhằm xác định phương hướng đúng, dẫn dắt, điều tiết, thúc đẩy sự hình thành dư luận tích cực, khắc phục dư luận tiêu cực nảy sinh trong đơn vị. Đối với bản thân chính trị viên, năng lực này đóng vai trò là "chìa khóa" để xác lập uy tín cá nhân, tạo dựng môi trường đơn vị ổn định và là thước đo phẩm chất, năng lực thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người chủ trì về chính trị. Năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên không chỉ đảm bảo sự thống nhất trong đơn vị mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực, góp phần hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Thực tế cho thấy, áp lực thông tin đa chiều hiện nay không chỉ dừng lại ở các luận điệu xuyên tạc mà còn hiện hữu qua sự bùng nổ của các luồng dư luận tự phát, tạo ra những thách thức trực diện đối với khả năng làm chủ tình hình của đội ngũ chính trị viên.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu, vấn đề năng lực và dư luận xã hội là những phạm trù trung tâm trong tâm lý học nhân cách và tâm lý học xã hội, đã được khảo cứu sâu rộng qua nhiều giai đoạn. Các nghiên cứu kinh điển của Rubinstein (năm 1960 của bản gốc tiếng Nga, sử dụng bản dịch năm 1980 tại Việt Nam), Leontiev (bản dịch năm 1989), đã đặt nền móng vững chắc cho việc tiếp cận năng lực dưới góc độ hoạt động và thực hiện. Trong đó, mô hình Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ (ASK) của Weinert (2001) và các nghiên cứu của Ashworth và Judy Saxton (1990) đã tạo cơ sở quan trọng để định lượng năng lực thông qua hành vi và kết quả hoạt động. Tại Việt Nam, hướng tiếp cận này đã được vận dụng hiệu quả trong môi trường quân sự. Tiêu biểu như Nguyễn Văn Kiên (2018) nghiên cứu về năng lực thuyết phục đã chỉ ra yếu tố uy tín của cá nhân là biến số quan trọng nhất. Đồng quan điểm về việc nhấn mạnh vai trò của chủ thể, Phạm Văn Duy (2021) khi phân tích năng lực chỉ huy cấp phân đội đã chứng minh tầm quan trọng của hệ thống cấu trúc bao gồm tố chất cá nhân, uy tín thực tế và động cơ xu hướng nghề nghiệp đối với chiều hướng hình thành các kĩ năng, kĩ xảo hành vi điều khiển đơn vị. Đây là tiền đề phương pháp luận để bài viết xác lập khung năng lực định hướng dư luận của chính trị viên theo mô hình năng lực thực hiện. Song hành với đó, bản chất và cơ chế hình thành dư luận xã hội cũng được làm rõ từ góc độ ý chí chung qua công trình của Covaliov (1976) đến sự biểu đạt trạng thái thái độ của Oskamp và Schultz (2005) và tính định hướng thông qua tác động của chủ thể quản lý được Lương Khắc Hiếu (2014) đúc kết. Đặc biệt, Dương Thị Thu Hương (2021) đã làm rõ vai trò của truyền thông số như một yếu tố khách quan mới nổi, có khả năng bóp méo hoặc thúc đẩy dư luận nhanh chóng. Việc kế thừa các cách tiếp

cận này cho phép bài viết đánh giá các yếu tố ảnh hưởng không chỉ ở khía cạnh tâm lý cá nhân mà còn trong mối tương quan với bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay.

Tuy nhiên, mặc dù các hệ thống lý luận về năng lực và dư luận xã hội đã tương đối hoàn thiện, song việc tích hợp hai lĩnh vực này để xây dựng khung tiêu chí định lượng đánh giá năng lực định hướng dư luận chuyên biệt cho chính trị viên ở đơn vị cơ sở vẫn còn là một khoảng trống. Các công trình hiện nay chủ yếu dừng lại ở mô tả lý thuyết hoặc phân tích các kỹ năng riêng lẻ, chưa hình thành được hệ thống chỉ số đo lường thực trạng một cách hệ thống. Nghiên cứu này tập trung giải quyết khoảng trống lý luận đó bằng việc xác lập mô hình toán thống kê để làm rõ cấu trúc tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan. Từ đó, tác giả định danh cụ thể các biến số đóng vai trò là động lực thúc đẩy hoặc rào cản đối với năng lực định hướng dư luận của chính trị viên, làm cơ sở cho các đề xuất bồi dưỡng trọng tâm trong tình hình mới.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên 568 khách thể tại 6 Sư đoàn, Lữ đoàn đại diện cho các Quân khu, Quân đoàn và Quân binh chủng.

Nhóm chủ thể (333 chính trị viên): Là những người trực tiếp thực hiện công tác định hướng dư luận, có độ tuổi trung bình từ 25 - 40, trình độ học vấn 100% đại học và sau đại học.

Nhóm đối tượng (235 hạ sĩ quan, binh sĩ): Là những người thụ hưởng và chịu tác động trực tiếp của hoạt động định hướng, đại diện cho các đơn vị và trình độ học vấn khác nhau.

Cách thức chọn mẫu: Sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống, đảm bảo tính đại diện cho các loại hình đơn vị cơ sở (lục quân, binh chủng hợp thành).

2.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Bộ công cụ được thiết kế gồm 9 phần (119 chỉ báo). Riêng thang đo "Yếu tố ảnh hưởng" gồm 29 item, tập trung vào 2 nhóm chính: Nhóm yếu tố chủ quan (Bản lĩnh, Kinh nghiệm, Uy tín, Xu hướng nghề nghiệp) và Nhóm yếu tố khách quan (Nhận thức của quân nhân, Bầu không khí tâm lý, Truyền thống đơn vị, Truyền thông). Công cụ sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (từ 1: Không ảnh hưởng đến 5: Ảnh hưởng rất mạnh).

Độ tin cậy và giá trị của công cụ: Kết quả kiểm định cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy cao, hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,755 đến 0,876. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) khẳng định tính giá trị của các thành tố với tổng phương sai trích đạt trên 50% và hệ số tải nhân tố của các item đều > 0,5 (Nunnally và Bernstein, 1994).

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Bên cạnh các phép thống kê mô tả (ĐTB, ĐLC), nghiên cứu sử dụng kiểm định T-test, ANOVA để so sánh sự khác biệt và hồi quy tuyến tính để xác định mức độ tác động của các yếu tố.

Để đảm bảo tính khoa học, nghiên cứu vận dụng lý thuyết đo lường cổ điển (CTT), lấy giá trị trung bình lý thuyết ($ĐTB_{lt}$ = 3,0) kết hợp với độ lệch chuẩn (ĐLC) thực tế để xác định các điểm cắt (Cut-off scores). Quy ước phân chia 5 mức độ ảnh hưởng của các yếu tố (với ĐLC thực tế là 0,24) như sau: mức 1 (Không ảnh hưởng): 1,00 ≤ ĐTB ≤ 2,52; mức 2 (Ít ảnh hưởng): 2,52 < ĐTB ≤ 2,76; mức 3 (Ảnh hưởng trung bình): 2,76 < ĐTB ≤ 3,24; mức 4 (Ảnh hưởng mạnh): 3,24 < ĐTB ≤ 3,48; mức 5 (Ảnh hưởng rất mạnh): 3,48

< ĐTB ≤ 5,00. Cách tiếp cận này giúp phản ánh chính xác sự phân hóa thực trạng so với quy luật phân phối chuẩn, tránh hiện tượng cào bằng trong đánh giá (Jacob Cohen, 1988).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên

3.1.1. Đặc điểm chung về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

Trong hệ thống các nhân tố tác động, nhóm yếu tố chủ quan được xác định là hệ điều tiết nội tại, có ý nghĩa quyết định đến việc chuyển hóa các tri thức, kỹ năng thành hiệu quả thực hiện nhiệm vụ định hướng dư luận thực tế. Nhóm yếu tố này phản ánh sự tương tác giữa đặc điểm nhân cách, xu hướng nghề nghiệp và vốn kinh nghiệm tích lũy của chính trị viên trong môi trường quân sự đặc thù. Kết quả khảo sát thực trạng về mức độ ảnh hưởng của nhóm yếu tố này được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của chính trị viên về mức độ ảnh hưởng của nhóm yếu tố chủ quan (N = 333)

TT	Các yếu tố thành phần	ĐTB	ĐLC	Mức độ ảnh hưởng
1	Bản lĩnh chính trị của chính trị viên	3,44	0,52	Mạnh
2	Kinh nghiệm, trải nghiệm của chính trị viên	3,65	0,52	Rất mạnh
3	Uy tín của chính trị viên	3,60	0,52	Rất mạnh
4	Xu hướng nghề nghiệp quân sự của chính trị viên	3,49	0,52	Rất mạnh
Nhóm yếu tố chủ quan		**3,54**	**0,32**	**Rất mạnh**

Từ kết quả tại bảng 1 cho thấy, nhóm yếu tố chủ quan có mức độ ảnh hưởng ở ngưỡng "Rất mạnh" (ĐTB = 3,54; ĐLC = 0,32). Điều này khẳng định sự thống nhất cao trong nhận thức của đội ngũ chính trị viên về vai trò nền tảng của các nhân tố nội tại trong cấu trúc năng lực định hướng dư luận. Định hướng dư luận là hoạt động điều tiết các trạng thái tâm lý xã hội phức tạp, đòi hỏi chủ thể phải có khả năng dự báo và xử lý linh hoạt dựa trên các tình huống đã trải qua. Do đó, vốn sống thực tiễn được xem là biến số quan trọng nhất giúp chính trị viên hình thành các kỹ xảo và kỹ năng chuyên biệt (ĐTB = 3,65). Yếu tố "*Uy tín của chính trị viên*" (ĐTB = 3,60) giữ vị trí thứ hai, phản ánh vai trò của các giá trị đạo đức và năng lực chuyên môn trong việc xác lập niềm tin đối với tập thể quân nhân. Trong môi trường quân đội, uy tín của người chủ trì về chính trị là điều kiện tiền đề để các nội dung định hướng được tiếp nhận một cách tự nguyện, giảm thiểu các phản ứng tâm lý tiêu cực. Trong khi đó, "*Xu hướng nghề nghiệp*" (ĐTB = 3,49) và "*Bản lĩnh chính trị*" (ĐTB = 3,44) mặc dù có điểm trung bình thấp hơn trong nhóm nhưng vẫn duy trì ở ngưỡng tác động từ "Mạnh" đến "Rất mạnh", đóng vai trò là động lực và định hướng tư tưởng cho hoạt động định hướng dư luận.

3.1.2. Sự phân hóa mức độ ảnh hưởng của yếu tố chủ quan theo đặc điểm định danh

Việc xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan không chỉ dừng lại ở các chỉ số trung bình chung mà cần được làm rõ qua sự phân hóa giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu. Kết quả kiểm định thống kê trên các biến số chức vụ, độ tuổi và thời gian giữ chức vụ cho thấy những khác biệt có ý nghĩa khoa học, phản ánh đặc thù quá trình hình thành và phát huy năng lực định hướng dư luận của chính trị viên trong thực tiễn.

Thứ nhất, sự khác biệt theo cấp giữ chức vụ

Khi so sánh giữa nhóm chính trị viên Tiểu đoàn và chính trị viên Đại đội, kết quả kiểm định Independent T-test ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở hai yếu tố: Uy tín và Xu hướng nghề nghiệp. Các yếu tố như Bản lĩnh chính trị và Kinh nghiệm, trải nghiệm không được đưa vào bảng so sánh này do kết quả kiểm định cho thấy giá trị p > 0,05. Có thể thấy rằng, dù giữ chức vụ ở cấp Tiểu đoàn hay Đại đội, bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm thực tiễn luôn được coi là những yêu cầu nền tảng, có tính đồng nhất và bắt buộc đối với mọi chính trị viên khi thực hiện nhiệm vụ định hướng tư tưởng.

Bảng 2. Kết quả kiểm định sự khác biệt về các yếu tố chủ quan theo chức vụ

Các yếu tố thành phần	Cấp giữ chức vụ	N	ĐTB	t	Sig. (2-tailed)
Uy tín của chính trị viên	Tiểu đoàn	125	3,45	-3,942	0,000
	Đại đội	208	3,68		
Xu hướng nghề nghiệp	Tiểu đoàn	125	3,60	2,940	0,004
	Đại đội	208	3,42		

Số liệu tại bảng 2 cho thấy sự tương phản rõ rệt: Chính trị viên cấp Đại đội đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố Uy tín (ĐTB = 3,68) cao hơn đáng kể so với cấp Tiểu đoàn (ĐTB = 3,45) với p = 0,000. Thực tế này cho thấy tại cấp Đại đội, nơi chính trị viên trực tiếp quản lý, giáo dục và sinh hoạt cùng bộ đội, năng lực định hướng dư luận phụ thuộc rất lớn vào sức thuyết phục từ chính nhân cách và sự gương mẫu của người cán bộ. Uy tín tại đây đóng vai trò là phương tiện điều tiết dư luận trực tiếp và hiệu quả nhất. Ngược lại, chính trị viên cấp Tiểu đoàn lại nhấn mạnh vai trò của Xu hướng nghề nghiệp (ĐTB = 3,60) so với cấp Đại đội (ĐTB = 3,42) với p = 0,004. Điều này phản ánh tư duy quản lý ở cấp trung gian, khi giữ chức vụ cao hơn, năng lực định hướng dư luận đòi hỏi sự ổn định về tâm thế, sự gắn bó sâu sắc và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng để đảm bảo tính chiến lược và bền vững trong công tác tư tưởng.

Thứ hai, sự khác biệt theo độ tuổi và thời gian giữ chức vụ

Sử dụng kiểm định ANOVA và phép so sánh cặp Tukey, nghiên cứu phát hiện sự biến đổi có tính quy luật về nhận thức nhóm yếu tố chủ quan theo sự trưởng thành của chủ thể.

Bảng 3. Sự phân hóa mức độ ảnh hưởng của nhóm yếu tố chủ quan theo độ tuổi và thời gian giữ chức vụ (N = 333)

Biến số định danh	Phân loại	N	ĐTB	ĐLC	Giá trị F	Mức ý nghĩa (p)
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	155	3,53	0,33	4,019	0,019
	Từ 31 - 35 tuổi	125	3,51	0,31		
	Trên 35 tuổi	53	3,65	0,30		
Thời gian giữ chức vụ	Dưới 3 năm	132	3,54	0,32	4,039	0,018
	Từ 3 - 5 năm	123	3,49	0,33		
	Trên 5 năm	78	3,63	0,30		

Số liệu tại bảng 3 cho thấy, có sự phân hóa rõ rệt về mức độ đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đối với năng lực định hướng dư luận dựa trên đặc điểm định danh của chính trị viên.

Về độ tuổi: Kiểm định ANOVA xác nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi (F = 4,019; p = 0,019). Đáng chú ý, chính trị viên ở độ tuổi trên 35 có mức đánh giá về yếu tố chủ quan cao nhất (ĐTB = 3,65). Phép so sánh cặp Tukey chỉ ra rằng sự khác biệt này có ý nghĩa thực tế khi so sánh nhóm trên 35 tuổi với nhóm 31 - 35 tuổi (p

= 0,016). Điều này cho thấy sự trưởng thành về nhân cách và bản lĩnh chính trị ở độ tuổi này giúp họ nhận thức sâu sắc hơn vai trò quyết định của các yếu tố nội tại.

Về thời gian giữ chức vụ: Tương tự, sự phân hóa cũng thể hiện rõ qua thâm niên công tác (F = 4,039; p = 0,018). Nhóm chính trị viên có trên 5 năm kinh nghiệm giữ chức vụ đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố chủ quan (ĐTB = 3,63) cao hơn hẳn so với nhóm có thâm niên từ 3 - 5 năm (ĐTB = 3,49). Kết quả so sánh cặp khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa tại ngưỡng trên 5 năm (p = 0,013).

Sự tương đồng về xu hướng giữa hai biến số độ tuổi và thời gian giữ chức vụ chứng minh rằng: Đối với công tác định hướng dư luận tập thể quân nhân, kinh nghiệm thực tiễn và sự dày dạn vốn sống là những nhân tố then chốt. Những chính trị viên đã qua thử thách thường có xu hướng tin tưởng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nội thân (uy tín, sự gương mẫu, kỹ năng ứng xử) như những công cụ sắc bén nhất để điều tiết dư luận tại đơn vị cơ sở hiện nay.

Thứ ba, mối tương quan giữa nhận thức yếu tố ảnh hưởng và thực trạng năng lực

Để làm rõ giá trị của các yếu tố chủ quan, phân tích tương quan đã được thực hiện và ghi nhận mối tương quan thuận, chặt chẽ (p < 0,001) giữa mức độ đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và điểm số năng lực định hướng dư luận thực tế. Mối liên hệ này chứng minh rằng nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của các nhân tố chủ quan là tiền đề trực tiếp thúc đẩy hành vi tự bồi dưỡng của chính trị viên. Khi người cán bộ xác định được uy tín và kinh nghiệm là nhân tố quyết định hiệu quả nhiệm vụ, họ sẽ chủ động chuyển hóa các yêu cầu đào tạo thành nhu cầu tự thân. Đây là cơ sở khoa học để khẳng định rằng: việc nâng cao năng lực định hướng dư luận cho chính trị viên phải bắt đầu từ việc tác động vào nhận thức, giúp họ thấy rõ vai trò của các yếu tố nội tại để từ đó tự giác rèn luyện và nâng cao chỉ số năng lực thực tế.

3.2. Thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên

3.2.1. Đặc điểm chung về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

Trong mối quan hệ biện chứng với nhóm nhân tố chủ quan, các yếu tố khách quan đóng vai trò là môi trường, điều kiện và phương tiện trực tiếp tác động đến quá trình vận hành năng lực định hướng dư luận của chính trị viên. Đây là những nhân tố tồn tại bên ngoài chủ thể nhưng có khả năng thúc đẩy hoặc kìm hãm hiệu quả công tác tư tưởng tại đơn vị. Kết quả khảo sát thực trạng nhóm này được tổng hợp tại bảng 4.

Số liệu tại bảng 4 cho thấy, nhóm yếu tố khách quan (ĐTB = 3,49; ĐLC = 0,29) nằm ở ngưỡng ảnh hưởng rất mạnh. Điều này phản ánh một thực tế khách quan: năng lực định hướng dư luận luôn chịu sự chi phối quyết liệt từ các biến số bên ngoài, đặc biệt là sự bùng nổ của không gian thông tin hiện đại.

Bảng 4. Đánh giá của chính trị viên về mức độ ảnh hưởng của nhóm yếu tố khách quan (N = 333)

TT	Các yếu tố thành phần	ĐTB	ĐLC	Mức độ ảnh hưởng
1	Trình độ nhận thức chung của quân nhân	3,50	0,48	Rất mạnh
2	Bầu không khí tâm lý của tập thể quân nhân	3,40	0,49	Mạnh
3	Truyền thống của đơn vị	3,42	0,53	Mạnh
4	Tác động của các phương tiện truyền thông	3,64	0,51	Rất mạnh
Nhóm yếu tố khách quan		**3,49**	**0,29**	**Rất mạnh**

Trong cấu trúc nội tại, yếu tố "*Tác động của các phương tiện truyền thông*" giữ vị trí chủ đạo với trị số cao nhất (ĐTB = 3,64). Kết quả này chỉ ra rằng dư luận tập thể quân nhân hiện nay không còn là một hệ thống khép kín mà chịu sự tác động đa chiều từ môi trường mạng. Việc chính trị viên đánh giá rất cao yếu tố này cho thấy họ đã nhận diện được áp lực từ các luồng thông tin xấu độc, đồng thời khẳng định vai trò điều tiết quan trọng của các thiết chế truyền thông chính thống trong việc dẫn dắt tư tưởng đơn vị.

Yếu tố "*Trình độ nhận thức chung của quân nhân*" (ĐTB = 3,50) giữ vị trí thứ hai với mức ảnh hưởng rất mạnh. Dưới góc độ tâm lý học, trình độ nhận thức của đối tượng quản lý chính là "nền tảng tiếp nhận". Khi quân nhân có trình độ văn hóa và tư duy chính trị tốt, các rào cản về nhiễu thông tin sẽ được giảm thiểu, tạo điều kiện thuận lợi để các nội dung định hướng của chính trị viên chuyển hóa thành niềm tin và hành vi tự giác.

Hai yếu tố "*Truyền thống đơn vị*" (ĐTB = 3,42) và "*Bầu không khí tâm lý*" (ĐTB = 3,40) dù có trị số thấp hơn nhưng vẫn duy trì ở ngưỡng ảnh hưởng mạnh. Các nhân tố này đóng vai trò là "không gian văn hóa - tâm lý", tạo ra dư địa tinh thần thuận lợi để chính trị viên triển khai các hoạt động định hướng. Truyền thống và bầu không khí lành mạnh chính là bộ lọc tự nhiên giúp loại bỏ những dư luận tiêu cực ngay từ khi mới hình thành.

3.2.2. Sự phân hóa mức độ ảnh hưởng của yếu tố khách quan theo đặc điểm định danh

Thứ nhất, sự khác biệt theo cấp giữ chức vụ (kiểm định T-test)

Kết quả kiểm định Independent T-test ghi nhận sự phân hóa có ý nghĩa thống kê đối với yếu tố "*Trình độ nhận thức của quân nhân*" (p = 0,014). Cụ thể, chính trị viên cấp Đại đội đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhận thức đối tượng (ĐTB = 3,55) cao hơn so với cấp Tiểu đoàn (ĐTB = 3,42).

Sự khác biệt này phản ánh đặc thù nhiệm vụ: Cấp đại đội là nơi diễn ra các hoạt động giáo dục, quản lý và tiếp xúc trực tiếp hàng ngày. Tại đây, sự chênh lệch về trình độ nhận thức của chiến sĩ tác động tức thì đến việc thấu hiểu các thông điệp định hướng. Trong khi đó, các yếu tố như "*Truyền thông*", "*Bầu không khí tâm lý*" hay "*Truyền thống đơn vị*" không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa (p > 0,05). Điều này cho thấy đội ngũ chính trị viên ở các cấp đều có sự thống nhất cao khi nhìn nhận về các tham số môi trường chung của đơn vị cơ sở hiện nay.

Thứ hai, tính ổn định của các yếu tố khách quan theo độ tuổi và thời gian giữ chức vụ (kiểm định ANOVA)

Khác với nhóm nhân tố chủ quan vốn có sự biến động rõ rệt theo sự trưởng thành của cá nhân, nhóm yếu tố khách quan thể hiện tính ổn định cao. Kiểm định ANOVA cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi đánh giá về nhóm yếu tố này theo độ tuổi (p = 0,235) và thời gian giữ chức vụ (p = 0,321).

Sự tương quan ổn định này chỉ ra rằng, các yếu tố khách quan được chính trị viên nhìn nhận như những "tham số cố định" của môi trường công tác. Dù ở bất kỳ giai đoạn nào của sự nghiệp, người chính trị viên đều phải đối mặt và tương tác với các giá trị truyền thống và bầu không khí tập thể như một thực thể sẵn có. Điều này khẳng định năng lực định hướng dư luận chỉ có thể phát huy hiệu quả khi chủ thể biết đặt các phẩm chất nội tại vào trong mối quan hệ biện chứng với các đặc điểm văn hóa - tâm lý của đơn vị.

3.2.3. Mối liên hệ giữa môi trường khách quan và chỉ số năng lực thực tế

Sự tác động của các yếu tố khách quan không tồn tại độc lập mà trực tiếp chi phối mức độ biểu hiện năng lực của chính trị viên. Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy, trong nhóm các yếu tố khách quan, "*Tác động của các phương tiện truyền thông*" là nhân tố có mối tương quan thuận rõ rệt nhất với năng lực định hướng dư luận ($r = 0,219$; $p < 0,01$). Điều này khẳng định rằng môi trường thông tin hiện đại là biến số khách quan tác động trực tiếp và liên tục đến hiệu quả dẫn dắt dư luận của chủ thể.

Tuy nhiên, kết quả này cần được xem xét sâu hơn trong mô hình hồi quy tổng thể để thấy rõ tính chất tác động thực tế. Đáng chú ý, các nhân tố như "*Trình độ nhận thức của quân nhân*" hay "*Bầu không khí tâm lý*", dù có điểm trung bình đánh giá cao nhưng chưa cho thấy vai trò biến số động lực trực tiếp ($p > 0,05$). Điều này chỉ ra rằng, việc nâng cao năng lực định hướng dư luận không thể chỉ dựa vào các điều kiện khách quan sẵn có. Môi trường đơn vị đóng vai trò là "hệ sinh thái" nền tảng, tạo điều kiện thuận lợi để chính trị viên chủ động tương tác và phát huy tối đa các giá trị nội tại như uy tín và kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn.

3.3. Mô hình hồi quy và nhận diện xu hướng biến đổi năng lực định hướng dư luận

Bảng 5. Hệ số hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực định hướng dư luận

STT	Các biến độc lập	Hệ số Beta (β)	t	Sig.	VIF
1	Uy tín của chính trị viên	0,462	4,792	0,000	3,677
2	Kinh nghiệm, trải nghiệm	0,334	5,405	0,000	1,510
3	Bản lĩnh chính trị	0,080	1,487	0,138	1,150
4	Tác động của truyền thông	-0,219	-2,239	0,026	3,769
5	Xu hướng nghề nghiệp	-0,174	-2,722	0,007	1,610

Ghi chú: Mô hình có độ phù hợp cao (Sig. = 0,000); R^2 hiệu chỉnh = 0,159; các giả định về phân phối chuẩn phần dư và tính độc lập của sai số (Durbin-Watson = 1,232) đều nằm trong ngưỡng cho phép.

Để xác định chính xác mức độ đóng góp và thứ tự ưu tiên của các nhân tố đối với sự phát triển năng lực, nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy đa biến (Multiple Regression Analysis). Trong mô hình này, năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân là biến phụ thuộc và 8 nhân tố (thuộc nhóm chủ quan và khách quan) là các biến độc lập.

3.3.1. Phân tích các nhân tố động lực và rào cản

Kết quả hồi quy tại bảng 5 khẳng định "*Uy tín của chính trị viên*" ($\beta = 0,462$) và "*Kinh nghiệm, trải nghiệm*" ($\beta = 0,334$) là hai nhân tố chi phối mạnh mẽ nhất đến sự biến thiên năng lực định hướng dư luận ($p < 0,001$). Dữ liệu này minh chứng rằng trong môi trường hoạt động quân sự, hiệu quả định hướng dư luận không được xác lập dựa trên các mệnh lệnh hành chính thuần túy mà phụ thuộc chủ yếu vào sự tín nhiệm của tập thể đối với chủ thể. Khi chính trị viên thiết lập được uy tín thông qua sự gương mẫu và tư cách đạo đức, các nội dung định hướng sẽ nhận được sự đồng thuận và dễ dàng chuyển hóa thành hành vi tự giác của cấp dưới. Đây là cơ sở thực chứng khẳng định uy tín là nhân tố quyết định khả năng dẫn dắt các diễn biến tâm lý - xã hội tại đơn vị. Bên cạnh đó, trị số của yếu tố Kinh nghiệm khẳng định định hướng dư luận là một loại năng lực thực hành

chuyên sâu. Sự tích lũy tri thức và kỹ năng qua thực tế công tác giúp chính trị viên hình thành các phản xạ nghề nghiệp và nhãn quan chính trị sắc bén. Những trải nghiệm này cung cấp hệ thống kỹ năng ứng phó linh hoạt với các tình huống dư luận phức tạp, trực tiếp bổ sung và hoàn thiện những hạn chế của quá trình đào tạo lý thuyết.

Ngược lại, mô hình hồi quy ghi nhận sự phân hóa và tính đa chiều trong các tác động khách quan. Đáng chú ý, hai yếu tố "*Tác động của truyền thông*" (β = -0,219) và "*Xu hướng nghề nghiệp*" (β = -0,174) bộc lộ sức ảnh hưởng nghịch biến mang ý nghĩa thống kê (p < 0,05).

Về biến "*Tác động của truyền thông*", hệ số âm này phản ánh một nghịch lý thực chứng trong kỷ nguyên số. Dưới góc độ tâm lý học xã hội, dù truyền thông là nguồn cấp tin thiết yếu, nhưng trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, nó lại trở thành "nhiễu tâm lý" cường độ mạnh. Khi các luồng thông tin đa chiều, xuyên tạc tác động liên tục, nó tạo ra áp lực quá tải lên hệ thống nhận thức của chủ thể. Nếu chính trị viên không có bản lĩnh sàng lọc và kỹ năng công nghệ tương xứng, sự bùng nổ này sẽ gây ra tình trạng "phản vệ tâm lý" hoặc nhiễu loạn trong quá trình điều tiết dư luận, từ đó làm suy giảm hiệu quả định hướng thực tế.

Đối với biến "*Xu hướng nghề nghiệp*", hệ số nghịch biến (β = -0,174) không hàm ý rằng sự yêu nghề làm giảm năng lực, mà chỉ ra một trạng thái tâm lý đặc thù: Sự mất cân bằng giữa nhiệt huyết chủ quan và kỹ năng thực tế. Những chính trị viên có xu hướng nghề nghiệp cao thường đi kèm với sự kỳ vọng lớn và tâm thế mong muốn đạt hiệu quả tức thì. Khi đối diện với những tình huống dư luận phức tạp, sự nhiệt huyết quá mức nếu thiếu đi sự điềm tĩnh và kinh nghiệm xử lý thực tiễn dễ dẫn đến trạng thái áp lực tâm lý tự thân. Điều này vô tình tạo ra rào cản trong việc thấu cảm khách quan với tâm tư chiến sĩ, khiến thông điệp định hướng trở nên cứng nhắc hoặc mang tính áp đặt, làm giảm sức thuyết phục thực tế đối với tập thể quân nhân.

Đây là những phát hiện quan trọng, cảnh báo về việc nếu không được kiểm soát và bồi dưỡng kỹ năng tương xứng, chính sự bùng nổ thông tin và những áp lực từ sự kỳ vọng nghề nghiệp có thể trở thành "điểm nghẽn" làm suy giảm năng lực định hướng dư luận của người chính trị viên.

Nhằm đảm bảo tính khách quan và đa chiều cho mô hình nghiên cứu, tác giả đã tiến hành trưng cầu ý kiến từ 235 hạ sĩ quan, binh sĩ - nhóm đối tượng trực tiếp chịu tác động của hoạt động định hướng. Kết quả cho thấy sự tương đồng cao với đánh giá của nhóm chủ thể về hệ thống các yếu tố ảnh hưởng. Đặc biệt, yếu tố "Uy tín của chính trị viên" được hạ sĩ quan, binh sĩ đánh giá có mức ảnh hưởng cao nhất đến hiệu quả định hướng dư luận (ĐTB = 3,75). Điều này minh chứng rằng: Hiệu quả định hướng dư luận không chỉ phụ thuộc vào kỹ năng thuần túy mà còn phụ thuộc rất lớn vào "sức nặng" nhân cách và sự gương mẫu của người cán bộ trong mắt chiến sĩ. Đây là nhịp cầu quan trọng nhất để chuyển tải các nội dung định hướng thành niềm tin và hành động tự giác của bộ đội.

3.3.2. Thiết lập phương trình và nhận diện xu hướng vận động

Dựa trên các hệ số hồi quy có ý nghĩa thống kê, mô hình đạt độ phù hợp cao (Sig. = 0,000) và không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (VIF < 5), phương trình nhận diện xu hướng biến đổi năng lực (Y) được thiết lập:

$$Y = 0,462*X_1 + 0,334*X_2 - 0,219*X_3 - 0,174*X_4$$

Trong đó X_1: Uy tín; X_2: Kinh nghiệm; X_3: Truyền thông; X_4: Xu hướng

Về chỉ số R^2 = 0,159, mặc dù mô hình chỉ giải thích được gần 16% sự biến thiên của năng lực định hướng dư luận, song trong các nghiên cứu thực địa về tâm lý - hành vi, mức độ tác động này được xem là có ý nghĩa (Small to Medium effect size theo tiêu chuẩn của Cohen, 1988). Kết quả này phản ánh đặc thù của năng lực con người - một cấu trúc phức hợp chịu sự chi phối của vô số biến số chưa kiểm soát hết (như đặc điểm khí chất, hoàn cảnh gia đình, hay các biến cố đột xuất). Do đó, giá trị của mô hình hồi quy này không nằm ở việc dự báo chính xác tuyệt đối, mà ở việc nhận diện định hướng (trend identification) để xác lập đâu là xung lực chủ đạo cần ưu tiên tác động trong công tác bồi dưỡng đội ngũ chính trị viên.

Dựa trên phương trình này, nghiên cứu cung cấp căn cứ định lượng để nhận diện hai xu hướng vận động chính:

Xu hướng tăng trưởng: Năng lực sẽ gia tăng mạnh mẽ nếu tập trung vào bồi dưỡng Uy tín và tối ưu hóa trải nghiệm thực tế. Cứ mỗi đơn vị thay đổi tích cực của Uy tín và Kinh nghiệm sẽ tạo ra sự tăng trưởng tương ứng ở mức 0,462 và 0,334 đơn vị năng lực.

Xu hướng suy giảm: Cảnh báo nguy cơ tụt giảm hiệu quả trước áp lực thông tin xấu độc và sự dao động tư tưởng nghề nghiệp.

Tóm lại, việc xác lập thứ bậc tác động của các nhân tố là căn cứ khoa học để đề xuất các biện pháp bồi dưỡng trọng tâm. Theo đó, thay vì tác động dàn trải, cần tập trung nâng cao uy tín cá nhân và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ chính trị viên; đồng thời chủ động quản lý các tác động từ phương tiện truyền thông nhằm bảo vệ và phát triển năng lực định hướng dư luận trong tình hình mới.

3.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy một cấu trúc tương tác đa chiều giữa các nhân tố chi phối năng lực định hướng dư luận của chính trị viên. Có ba vấn đề trọng tâm cần được thảo luận:

Thứ nhất, vai trò quyết định của các giá trị nhân cách và vốn sống. Việc "Uy tín" và "Kinh nghiệm" chiếm vị trí chủ đạo trong mô hình hồi quy khẳng định rằng trong môi trường quân sự, năng lực định hướng không dựa trên mệnh lệnh hành chính đơn thuần mà dựa trên sức thuyết phục của chủ thể. Điều này phản ánh quy luật: sự thừa nhận của tập thể đối với người chính trị viên là tiền đề để chuyển hóa các nội dung định hướng thành niềm tin tự giác của bộ đội.

Thứ hai, tính hai mặt của môi trường truyền thông hiện đại. Sự đảo chiều của yếu tố truyền thông từ tương quan thuận sang hồi quy nghịch là một phát hiện quan trọng. Nó chỉ ra rằng truyền thông vừa là công cụ dẫn dắt, nhưng cũng là nguồn gốc của sự nhiễu loạn nếu không được quản trị hiệu quả. Kết quả này cho thấy tính cấp thiết của việc nâng cao năng lực sàng lọc và xử lý thông tin cho chính trị viên trước những tác động phức tạp từ không gian mạng.

Thứ ba, sự ổn định của môi trường khách quan và sự biến đổi của chủ thể. Trong khi các yếu tố khách quan thể hiện tính ổn định cao, thì các yếu tố chủ quan lại có sự phân hóa rõ rệt theo độ tuổi và kinh nghiệm công tác. Điều này chứng minh năng lực định hướng dư luận là kết quả của một quá trình tích lũy lâu dài. Sự trưởng thành về tuổi đời và tuổi nghề giúp

chính trị viên nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của các xung lực nội tại, từ đó làm chủ các tình huống dư luận phức tạp tại đơn vị cơ sở.

Tóm lại, Việc xác lập thứ bậc tác động này không chỉ có ý nghĩa về mặt thống kê mà còn cung cấp căn cứ thực chứng để ưu tiên bồi dưỡng các nhân tố nội tại, đồng thời xây dựng cơ chế quản lý truyền thông phù hợp tại đơn vị.

4. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định năng lực định hướng dư luận tập thể quân nhân của chính trị viên là kết quả của sự tương tác biện chứng giữa các nhân tố chủ quan và khách quan. Trong đó, uy tín cá nhân và kinh nghiệm thực tiễn đóng vai trò là những xung lực nội tại quyết định, giúp chủ thể xác lập sự tín nhiệm và hình thành kỹ năng ứng phó linh hoạt trước các tình huống tư tưởng phức tạp. Các yếu tố môi trường như truyền thống đơn vị, bầu không khí tâm lý và trình độ nhận thức của quân nhân tạo thành hệ sinh thái nền tảng, hỗ trợ hoặc kiềm tỏa quá trình vận hành năng lực. Đặc biệt, sự chuyển hóa tính chất tác động của truyền thông từ hỗ trợ sang nghịch biến trong mô hình tổng thể là tín hiệu thực chứng quan trọng, đòi hỏi chính trị viên phải nâng cao năng lực sàng lọc thông tin và làm chủ không gian mạng. Tổng thể các kết luận này cung cấp căn cứ khoa học để xác lập các biện pháp bồi dưỡng trọng tâm, tập trung vào việc phát huy nội lực chủ quan gắn với quản trị hiệu quả các biến số môi trường, nhằm nâng cao chất lượng công tác định hướng dư luận tập thể quân nhân tại đơn vị cơ sở hiện nay.

Mặc dù đạt được những kết quả quan trọng, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Do điều kiện khách quan, mẫu nghiên cứu chủ yếu tập trung tại các đơn vị bộ binh và binh chủng hợp thành, phạm vi khảo sát tại các đơn vị đặc thù (như Hải quân, Cảnh sát biển) còn khiêm tốn, chưa phản ánh hết tính đa dạng trong môi trường hoạt động của các lực lượng này. Đồng thời, mô hình hồi quy đa biến mới chỉ giải thích được 15,9% sự biến thiên năng lực, điều này cho thấy vẫn còn nhiều yếu tố tiềm ẩn khác tác động đến năng lực định hướng dư luận của chính trị viên cần được khám phá và làm rõ ở các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. A. G. Covaliov (1976). *Tâm lý học xã hội* (Nguyễn An Ninh dịch). Nxb Giáo dục, Hà Nội (tác phẩm gốc xuất bản bằng tiếng Nga).

2. Phạm Văn Duy (2021). Năng lực chỉ huy của cán bộ cấp phân đội ở Binh chủng Công binh. *Luận án tiến sĩ Tâm lý học*. Học viện Chính trị, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (Tập 2). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Lương Khắc Hiếu (chủ biên, 2014). *Nghiên cứu và định hướng dư luận xã hội*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

5. Dương Thị Thu Hương (2021). *Nghiên cứu dư luận xã hội*. Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Kiên (2018). Năng lực thuyết phục của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Luận án tiến sĩ Tâm lý học. Học viện Chính trị, Hà Nội.

7. A. N. Leontiev (1989). *Hoạt động - Ý thức - Nhân cách* (Phạm Minh Hạc dịch). Nxb Giáo dục, Hà Nội (tác phẩm gốc xuất bản năm 1975 bằng tiếng Nga).

8. X. L. Rubinstein (1980). *Những vấn đề tâm lý học đại cương* (Phạm Minh Hạc và các cộng sự dịch). Nxb Giáo dục, Hà Nội (tác phẩm gốc xuất bản năm 1960 bằng tiếng Nga).

9. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (2022). *Quyết định số 775/QĐ-CT ngày 12/5/2022 về Ban hành Quy chế công tác quản lý tư tưởng quân nhân; nắm và định hướng dư luận trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

10. Ashworth, P. D., & Saxton, J. (1990). On competence. *Journal of Further and Higher Education, 14*(2), 3-25. https://doi.org/10.1080/0309877900140201.

11. Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Hillsdale, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.

12. Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). New York: McGraw-Hill.

13. Oskamp, S., & Schultz, P. W. (2005). *Attitudes and opinions* (3rd ed.). Lawrence Erlbaum Associates Publishers.

14. Weinert, F. E. (2001). *Leistungsmessungen in Schulen* [Đo lường thành tích ở trường học]. Weinheim: Beltz Verlag.